



měi nǚ

美女

noun · beautiful woman

Example Sentences

tā shì yī wèi měi nǚ
她是一位美女。

She is a beautiful woman.

nà wèi měi nǚ zài gōng yuán lǐ sǎn bù
那位美女在公园里散步。

That beautiful woman is taking a walk in the park.

zhè bù diàn yǐng de nǚ zhǔ jué shì yī wèi cái huá héng yì de měi nǚ
这部电影的女主角是一位才华横溢的美女。

The female lead of this movie is a talented beautiful woman.

Trace each character, then write the word on your own.

美	美	美	美	美	美	美	美	美	美	美
美										
女	女	女	女	女	女					